

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘC HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày: 07-6-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khởi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Thành Anh Tiến

2. Ông Lý Quốc Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quây – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2024/TLST- DS ngày 21/02/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông M Đ Kh, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Ấp T Th , xã T Th , huyện M H , tỉnh L A .

Người đại diện theo ủy quyền của ông M Đ Kh là bà Tr Th A Ng, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp T Th , xã T Th , huyện M H , tỉnh L A .

- *Bị đơn:*

+ Bà L Th M D, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Ấp 2, xã T L , huyện M H , tỉnh L A .

+ Ông Ng Th Tr K, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp 2, xã T L , huyện M H , tỉnh L A .

(Bà Ng có mặt, bà D và ông K vắng mặt không có lý do)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tr Th A Ng trình bày:*

Vào ngày 26/5/2022 bà D có mượn ông Kh số tiền: 264.000.000 (hai trăm sáu mươi bốn triệu) đồng gồm có 2 biên nhận nợ, một biên nhận: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và một biên nhận: 164.000.000 (một trăm sáu mươi bốn triệu) đồng.

Bà D nói với ông Kh mượn tiền về mua vật liệu xây dựng cầu đi vào hầm nuôi tôm, và hẹn đến lên tôm sẽ trả tiền cho ông Kh. Sau đó bà D và ông K bán tôm cũng không trả tiền cho ông Kh, bà D và ông K cứ hẹn dần từ lần này đến lần khác cũng không trả tiền cho ông Kh. Ông Kh có điện thoại nhiều lần bà D không nghe máy và sau đó bà D khóa máy ông Kh không còn liên lạc được với bà D và ông K.

Nay ông M Đ Kh yêu cầu bà L Th M D và ông Ng Th Tr K liên đới trả số tiền là 264.000.000 (hai trăm sáu mươi bốn triệu) đồng và lãi suất theo mức lãi 0,83% theo qui định của pháp luật.

Bị đơn bà L Th M D và ông Ng Th Tr K đã được Tòa án tổng đạt theo thủ tục tố tụng thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã triệu tập bị đơn để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nhưng bà D và ông K tiếp tục vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, gồm có: “Giấy biên nhận nợ có chữ ký của bà L Th M D”. Bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, gồm có: “Các biên nhận nợ, có tên và chữ ký của bà của L Th M D, các giấy biên nhận là do bà D ký.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông M Đ Kh yêu cầu bà L Th M D và ông Ng Th Tr K liên đới trả số tiền nợ gốc là 264.000.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại huyện M H, tỉnh L A nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ

pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M H , tỉnh L A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông M Đ Kh khởi kiện yêu cầu bà L Th M D và ông Ng Th Tr K trả số tiền là 264.000.000 đồng. Ông M Đ Kh đã cung cấp được biên nhận nợ có chữ ký của bà D để làm căn cứ chứng minh đối với số tiền là 264.000.000 đồng. Nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có cơ sở xác định bà L Th M D có vay ông M Đ Kh số tiền nợ gốc 264.000.000 (hai trăm sáu mươi bốn triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Kh là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu nghĩa vụ liên đới: Do bà L Th M D và ông Ng Th Tr K khi vay tiền của ông Khánh ngày 16/9/2022 số tiền 264.000.000 đồng là trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng hợp pháp chưa ly hôn, sau khi ly hôn ông K và bà D không yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Do đó nguyên đơn yêu cầu bà D, ông K liên đới trả nợ là phù hợp với các quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

[2.3] Về yêu cầu trả lãi:

Yêu cầu trả lãi của ông M Đ Kh theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/9/2022 đến ngày 7/6/2024 là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi được tính như sau: 264.000.000 đồng tính từ ngày 16/9/2022 đến ngày 07/6/2024 cụ thể như sau:  $264.000.000đ \times 0,83\% \times 20 \text{ tháng} = 45.357.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền gốc và tiền lãi bà L Th M D và ông Ng Th Tr K phải trả là: 309.357.000 đồng (trong đó gốc 240.000.000 đồng, lãi 45.357.000 đồng).

[3] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định bà L Th M D và ông Ng Th Tr K phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc và lãi còn nợ là 309.357.000 (ba trăm lẻ chín triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn) đồng cho ông M Đ Kh. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kh .

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về án phí:

Bà L Th M D và ông Ng Th Tr K có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Ông M Đ Kh không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M Đ Kh đối với bà L Th M D và ông Ng Th Tr K.

Buộc bà L Th M D và ông Ng Th Tr K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M Đ Kh số tiền nợ gốc và lãi còn lại là: 309.357.000 (ba trăm lẻ chín ba trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

**2.** Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L Th M D và ông Ng Th Tr K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.467.000 (mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho ông M Đ Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.600.000 (sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002773 ngày 21/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**5. Về việc thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Khởi**